

TỈ LỆ SINH VIÊN NGÀNH VIỆT NAM HỌC CÓ VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Nguyễn Thị Bích, ThS. Nguyễn Thị Hảo*, ThS. Phạm Hoàng Giang

Trường Đại học Thành Đô

*Email: nthao@thanhdouni.edu.vn;

Tel: 0982.951.202

TÓM TẮT

Nghiên cứu này khảo sát tỉ lệ sinh viên ngành Việt Nam học trong cả nước có việc làm sau tốt nghiệp từ 2018-2021. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng dù tỉ lệ có việc làm cao (83,83%), nhưng chỉ có 26,31% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành, đa số sinh viên làm việc không liên quan đến chuyên ngành được đào tạo (48,36%). Để cải thiện tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên ngành, nghiên cứu đề xuất giải pháp như cải thiện chương trình đào tạo, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, khuyến khích sinh viên nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng chuyên môn cũng như kỹ năng mềm.

Từ khóa: Việc làm; Tỉ lệ việc làm; Sinh viên; Tốt nghiệp; Ngành Việt Nam học.

ABSTRACT

This study surveys the national employment rate of Vietnamese Studies graduates from 2018-2021. Highlighting that while there is a high employment rate (83.83%), only 26.31% of graduates work in their field of study, with the majority (48.36%) working in unrelated fields. To improve the proportion of graduates working in their trained profession, the study suggests enhancing the curriculum, strengthening collaboration with businesses, and encouraging students to improve both their Foreign language proficiency, professional and soft skills.

Keyword: Jobs; Employment rate; Students; Graduates; Vietnamese studies.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam học là ngành khoa học nghiên cứu đất nước và con người Việt Nam từ những thành tựu văn hóa, lịch sử, địa lí, phong tục tập quán, ngôn ngữ, văn học... để làm rõ những nét riêng độc đáo, nghiên cứu toàn diện và đa dạng những lĩnh vực của một quốc gia trên góc nhìn văn hóa. Sinh viên ngành Việt Nam học được đào tạo chuyên sâu hai khối lượng kiến thức chủ yếu: Nghiên cứu và giảng dạy văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam và Nghiên cứu, hướng dẫn du lịch. Dù là đào tạo chuyên sâu lĩnh vực nào, chương trình đào tạo cũng hướng tới mục

tiêu sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Sinh viên ngành Việt Nam học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc như: hướng dẫn viên du lịch; quản trị lễ hành; thuyết minh viên tại các tuyến điểm du lịch; phóng viên, biên tập viên; giảng viên hay trợ giảng chuyên ngành; nghiên cứu viên tại các viện văn hóa; quản lý văn hóa tại các đơn vị sự nghiệp. Theo thống kê, cả nước có 38 trường đại học đào tạo ngành Việt Nam học [1], với chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 từ ít nhất là 20 chỉ tiêu trường Đại học Hoa Lư đến 150 chỉ tiêu trường Đại học Sài Gòn, trường Đại

học An Giang và nhiều nhất là 179 chỉ tiêu trường Đại học Sư Phạm Hà Nội 2.

Con số này cho thấy nguồn nhân lực của ngành Việt Nam học khá dồi dào, đáp ứng được nhu cầu xã hội trong tình hình mới. Tuy nhiên, có việc làm và việc làm đúng chuyên ngành đào tạo lại không phải là điều dễ dàng với sinh viên mới ra trường, nhiều sinh viên đã phải lựa chọn các công việc gần với chuyên ngành hoặc không đúng chuyên ngành để chờ cơ hội khác. Thường niên, các trường đại học thực hiện khảo sát thực trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp để nắm bắt thông tin kịp thời cũng như hỗ trợ sinh viên. Báo cáo tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp được các trường gửi tới Bộ Giáo dục và đào tạo, kết quả này cũng phản ánh chất lượng đào tạo của các trường đại học và khả năng thích ứng công việc của sinh viên ngành Việt Nam học sau khi tốt nghiệp.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Trong những năm qua, có nhiều công trình nghiên cứu, phân tích về tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc, bao gồm bằng cấp, trình độ ngoại ngữ, kinh nghiệm làm việc, kỹ năng mềm, và sử dụng CNTT. Các tác giả như: Võ Văn Tài và Đào Thị Huyền (2016): “*Phân tích thống kê tỉ lệ có việc làm của sinh viên Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ*”; Lê Phương Lan, Chu Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Khánh Trinh (2016): *Nghiên cứu các yếu tố tác động cùng chiều tới khả năng có việc làm của sinh viên Đại học Ngoại thương sau khi tốt nghiệp*; Đỗ Hồng Thắng (2021): *Thực*

trạng và một số giải pháp việc làm cho sinh viên trường Đại học Công Đoàn sau khi tốt nghiệp; Lương Thanh Hà (2022): “*Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng xin việc làm của sinh viên sau khi ra trường*”; Thế Phong (2023): “*Bản khảo thống kê việc làm của sinh viên*” ... đã phân tích các nhân tố này và đề xuất giải pháp để cải thiện tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp. Thực trạng việc làm sau tốt nghiệp và sự cần thiết của việc nâng cao chất lượng đào tạo và mối liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp cũng được nhấn mạnh. Các nghiên cứu này cung cấp cái nhìn tổng thể về thực trạng việc làm của sinh viên và là cơ sở quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả bài viết này.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu nghiên cứu: Số liệu chủ yếu được nhóm tác giả khai thác và tổng hợp từ các tài liệu có sẵn qua nguồn dữ liệu tại các trang website, các báo cáo và kết quả nghiên cứu của các nhóm tác giả khác. Việc lựa chọn trường trong số 38 trường đại học đào tạo ngành Việt Nam học để tổng hợp và phân tích phụ thuộc vào nguồn số liệu nhóm tác giả thu thập được.

Phương pháp nghiên cứu: Công trình được nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng trên cơ sở tổng hợp, thu thập thông tin, thống kê tài liệu thứ cấp liên quan đến thực trạng việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học. Qua đó khái quát đưa ra các giải pháp để tăng tỉ lệ có việc làm và việc làm đúng ngành của sinh viên ngành Việt Nam học sau tốt nghiệp.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Tỷ lệ sinh viên có việc sau tốt nghiệp giai đoạn 2018-2021

Từ năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn và yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học hàng năm khảo sát và báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên sau khi được công nhận tốt nghiệp.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2018-2021 tỷ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp 12 tháng ở mức từ 86,68% đến 90,69%, riêng năm 2021 đạt 90,52% [2]. Bảng thống kê bao gồm 22 lĩnh vực đào tạo.

Bảng 1. Tỷ lệ sinh viên có việc làm theo lĩnh vực đào tạo sau tốt nghiệp 12 tháng

Đơn vị tính %

Stt	Lĩnh vực đào tạo	2018	2019	2020	2021	Trung bình
1	Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên	84,90	87,4	91,90	87,40	87,90
2	Nghệ thuật	93,50	95,30	97,10	95,50	95,35
3	Nhân văn	90,60	89,70	91,98	91,90	91,05
4	Báo chí và thông tin	89,20	85	90,80	90,90	88,98
5	Khoa học xã hội và hành vi	92,50	73,40	91,80	91,70	87,35
6	Kinh doanh và quản lý	94,90	91,40	92,80	92,20	92,83
7	Pháp luật	87,20	86,20	88,30	86,10	86,95
8	Khoa học sự sống	87,70	90,30	88,90	87,50	88,60
9	Khoa học tự nhiên	87,60	77,80	85,50	86,80	84,43
10	Toán và thống kê	89,70	95,10	96,40	90,5	92,93
11	Máy tính và công nghệ thông tin	93,90	93,70	91,80	93,50	93,23
12	Công nghệ kỹ thuật	93,10	91,60	90,80	93,10	92,15
13	Kỹ thuật	97,30	90,60	94,40	92,60	93,73
14	Sản xuất và chế biến	89,50	89,80	88,50	90,50	89,58
15	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	82,70	86	95,80	95,70	90,05
16	Thú y	90,50	85,40	89,40	88,30	88,40
17	Sức khỏe	92,30	88,40	89,60	93,10	90,85
18	Dịch vụ xã hội	82,30	98,40	95,80	93,10	92,40
19	Du lịch, Khách sạn, Thể thao và Dịch vụ cá nhân	94,10	75	81,80	82,50	83,35
20	Dịch vụ vận tải	94,40	89,50	89,50	84,70	89,53
21	Môi trường và Bảo vệ môi trường	80,40	62,50	92,30	96,30	82,88
22	Kiến trúc và xây dựng	94,60	84,80	80,20	87,30	86,73

(Nguồn: Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp giai đoạn 2018-2021 - Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Từ bảng thống kê trên cho thấy, giai đoạn 2018-2021 có 5 lĩnh vực tỉ lệ sinh viên ra trường tìm được việc làm thấp nhất, gồm: Môi trường và bảo vệ môi trường với 82,88%; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân với 83,35%; Dịch vụ vận tải 84,7%; Khoa học tự nhiên 84,43%; Pháp luật 86,95%; Kiến trúc và xây dựng 86,73%. Trong khi đó, nhóm ngành có tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm cao nhất là: Nghệ thuật với 95,35%; Kỹ thuật 93,73%; Máy tính và Công nghệ thông tin 93,23%.

Các trường đại học thường xuyên tiến hành khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên, từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát, đối sánh nhằm cải tiến chất lượng; đồng thời có nhiều hoạt động được thực hiện nhằm hỗ trợ sinh viên trong việc tìm việc cũng như chuẩn bị những điều kiện cần thiết để có thể hội nhập với môi trường làm việc. Nhóm tác giả đã tổng hợp, thống kê số liệu báo cáo của một số trường đại học về tỉ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm sau tốt nghiệp giai đoạn 2018-2021.

4.2. Tỉ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm giai đoạn 2018-2021

Bảng 2. Tỉ lệ sinh viên ngành Việt Nam học tốt nghiệp năm 2021 có việc làm sau 12 tháng

Stt	Tên Trường	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỉ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi (%)	Tỷ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên tốt nghiệp (%)	Khu vực làm việc			
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục đi học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
						Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQGHN	61	47	36	33	1	13	22	0	0	100,00%	59,02%	1	27	6	2
2	Trường ĐH Đà Lạt	3	3	2	2	0	2	0	0	0	100,00%	66,70%	0	2	0	0
3	Trường ĐH Hùng Vương	14	5	13	4	1	2	7	2	1	92,30%	85,71%	2	7	0	1
4	Trường ĐH Sài Gòn	61	45	56	42	11	7	36	2	0	100,00%	91,80%	6	40	0	8
5	Trường ĐH Duy Tân	33	27	17	16	2	4	4	3	4	76,47%	39,39%	1	7	2	0
6	Trường ĐH Đồng Tháp	26	17	24	16	6	6	8	0	4	83,30%	76,90%	3	12	0	5
7	Trường ĐH Vinh	57	44	57	44	5	10	34	0	8	86,00%	86,00%	1	34	11	3
8	Trường ĐH Quảng Nam	28	24	23	20	6	0	9	0	8	65,22%	53,57%	2	11	1	1
9	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	31	18	27	24	0	8	14	0	5	81,48%	70,97%	1	28	1	11
10	Trường ĐH Hồng Đức	23	19	22	18	10	0	11	1	0	100,00%	95,65%	1	16	2	2

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp tại các trường Đại học năm 2021)

Năm 2021, thống kê ngẫu nhiên từ 10 trường đại học có đào tạo ngành Việt Nam học, tổng số sinh viên phản hồi

khảo sát là 277. Trong đó, 42 sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo; 52 sinh viên có việc làm liên quan đến ngành

đào tạo; 145 sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo; 08 sinh viên học tiếp và 30 sinh viên chưa có việc làm. Có thể thấy rõ ràng, sinh viên có việc làm chiếm 86,28% nhưng

có đến 60,66% sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành được đào tạo. Về khu vực làm việc, khu vực làm việc tư nhân chiếm phần lớn, 184 sinh viên (76,98%).

Bảng 3. Tỷ lệ sinh viên ngành Việt Nam học tốt nghiệp năm 2020 có việc làm sau 12 tháng

Stt	Tên Trường	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỉ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi (%)	Tỷ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên tốt nghiệp (%)	Khu vực làm việc			
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục đi học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
						Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	Trường ĐH SPHN	42	35	25	22	5	12	4	3	0	96,00%	57,14%	2	12	2	5
2	Trường ĐH Hùng Vương	4	3	4	3	0	0	4	0	0	100,00%	100,00%	0	3	1	0
3	Trường ĐH Sài Gòn	87	63	79	58	19	1	41	5	13	83,54%	75,86%	2	48	3	8
4	Trường ĐH Duy Tân	19	17	10	9	1	2	3	0	4	60,00%	31,58%	0	5	1	0
5	Trường ĐH Đồng Tháp	23	17	23	17	3	8	9	0	3	87,00%	87,00%	3	16	0	1
6	Trường ĐH Quảng Nam	7		4		1	1	0	0	2	60,00%	42,86%	0	2	0	0
7	Trường ĐH Khánh Hòa	17	14	17	14	2	0	8	1	6	64,71%	64,71%	2	8	0	0
8	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	23	18	18	12	0	9	6	2	1	94,44%	73,91%	0	11	3	1
9	Trường ĐH Hồng Đức	9	9	8	8	1	1	3	0	3	62,50%	55,56%	1	2	0	2

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp tại các trường Đại học năm 2020)

Năm 2020, thống kê ngẫu nhiên từ 09 trường đại học có đào tạo ngành Việt Nam học, tổng số sinh viên phản hồi khảo sát là 188. Trong đó, 32 sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo; 34 sinh viên có việc làm liên quan đến ngành đào tạo; 78 sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo; 11 sinh

viên học tiếp và 33 sinh viên chưa có việc làm. Thống kê cho thấy, sinh viên có việc làm chiếm 76,59% trong đó 54,16% sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành được đào tạo. Về khu vực làm việc, khu vực làm việc tư nhân chiếm phần lớn, 107 sinh viên (56,91%).

Bảng 4. Tỷ lệ sinh viên ngành Việt Nam học tốt nghiệp năm 2019 có việc làm sau 12 tháng

Stt	Tên Trường	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi (%)	Tỷ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên tốt nghiệp (%)	Khu vực làm việc			
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục đi học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
						Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	Trường ĐH SPHN	54	49	45	41	26	12	3	4	0	100,00%	83,33%	3	31	2	5
2	Trường ĐH Hùng Vương	5	2	5	2	0	2	3	0	0	100,00%	100,00%	0	5	0	0
3	Trường ĐH Sài Gòn	106	71	91	61	16	23	43	4	5	94,51%	81,13%	8	68	4	2
4	Trường ĐH Duy Tân	17	11	12	6	2	4	3	2	1	91,67%	70,59%	2	6	1	0
5	Trường ĐH Đồng Tháp	68	47	62	43	12	13	24	2	11	82,30%	75,00%	1	41	4	3
6	Trường ĐH Quảng Nam	50		49		18	11	6	2	12	75,51%	74,00%	0	32	1	1
7	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	31	28	27	24	9	15	3	0	0	100,00%	87,00%	5	20	1	1

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp tại các trường Đại học năm 2019)

Năm 2019, tổng hợp từ 7 trường đại học ngẫu nhiên, tổng số sinh viên phản hồi khảo sát là 291. Trong đó, 83 sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo; 80 sinh viên có việc làm liên quan đến ngành đào tạo; 85 sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo; 14 sinh viên học tiếp và 29 sinh viên

chưa có việc làm. Kết quả thống kê cho thấy, sinh viên có việc làm chiếm 85,22% và có 34,27% sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành được đào tạo. Về khu vực làm việc, khu vực làm việc tư nhân chiếm phần lớn, 203 sinh viên (81,85%).

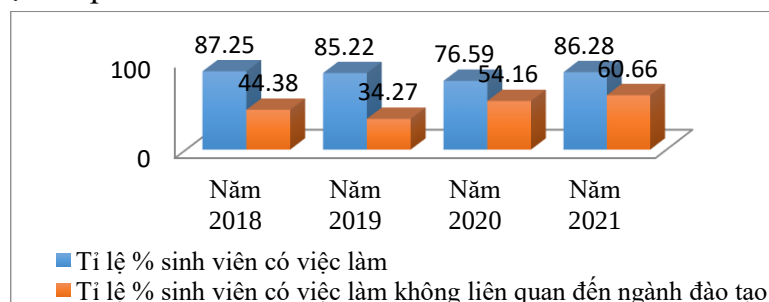
Bảng 5. Tỷ lệ sinh viên ngành Việt Nam học tốt nghiệp năm 2018 có việc làm sau 12 tháng

Stt	Tên Trường	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên tốt nghiệp (%)	Khu vực làm việc				
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục đi học	Chưa có việc làm		Tỷ lệ có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi (%)	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
						Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Khôn g liên quan đến ngành đào tạo								
1	Trường ĐH SPHN	71	58	57	44	23	13	18	3	3	100,00%	80,30%	5	41	5	3
2	Trường ĐH Hùng Vương	7	3	7	3	3	2	2	0	0	100,00%	100,00%	1	4	1	1
3	Trường ĐH Sài Gòn	87	63	79	58	19	1	41	5	13	83,54%	75,86%	2	48	3	8
4	Trường ĐH Đồng Tháp	30	21	27	19	3	10	14	0	0	100,00%	90,00%	1	23	1	2
5	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	48	38	34	25	9	16	4	3	2	94,12%	66,67%	2	22	0	5

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp tại các trường Đại học năm 2018)

Năm 2018, tổng hợp từ 5 trường đại học ngẫu nhiên, tổng số sinh viên phản hồi khảo sát là 204. Trong đó, 57 sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo; 42 sinh viên có việc làm liên quan đến ngành đào tạo; 79 sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo; 11 sinh viên học tiếp và 18 sinh viên

chưa có việc làm. Kết quả thống kê cho thấy, sinh viên có việc làm chiếm 87,25% và có 44,38% sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành được đào tạo. Về khu vực làm việc, khu vực làm việc tư nhân chiếm phần lớn, 138 sinh viên (77,52%).



Biểu đồ thể hiện tỷ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm sau tốt nghiệp giai đoạn 2018-2021

Biểu đồ thống kê cho thấy, giai đoạn 2018-2021 tỉ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm có sự đồng đều giữa các năm, riêng năm 2020 tỉ lệ này có giảm sút. Tuy nhiên, tỉ lệ sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo lại có sự gia tăng theo từng năm.

4.3. Thuận lợi và khó khăn trong tìm kiếm việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học

4.3.1. Thuận lợi

Bên cạnh việc tập trung vào kiến thức chuyên ngành, nội dung chương trình học của các cơ sở đào tạo cũng quan tâm đến các kỹ năng mềm, được đi thực hành, thực tế, vì vậy sinh viên ngành Việt Nam học có khả năng thích ứng khá cao trong công việc.

Sinh viên ngành Việt Nam học cũng như sinh viên các ngành khác mới ra trường khi đi xin việc thường không đòi hỏi mức lương cao. Phần lớn sinh viên không có hoặc có rất ít kinh nghiệm làm việc, họ muốn được làm việc để học hỏi thêm kiến thức, kỹ năng nên đây cũng được coi là điểm thuận lợi khi các doanh nghiệp tuyển dụng.

Khả năng cập nhật, nắm bắt công nghệ nhanh, năng động và nhiệt huyết của tuổi trẻ cũng được coi là một thuận lợi. Vì mới ra trường nên xin được việc đúng chuyên ngành hay không đúng chuyên ngành không quá quan trọng với sinh viên, đối với nhiều sinh viên xin được việc làm đã được coi là may mắn. Một thực tế cho thấy nữa là sinh viên ngành Việt Nam học thường có hình thức ưa nhìn, khả năng giao tiếp tốt vì vậy dễ gây thiện cảm cho các nhà tuyển dụng.

4.3.2. Khó khăn

Ngành Việt Nam học yêu cầu người học phải có kiến thức tương đối toàn diện, từ kiến thức chuyên ngành đến khả năng giao tiếp, khả năng ngoại ngữ cũng như khả năng ứng xử trong các tình huống. Mặc dù tỉ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm là 83%, tuy nhiên, vẫn đang ở mức thấp so với các ngành khác. Bên cạnh đó, theo thống kê của nhóm tác giả thì tỉ lệ có việc làm không đúng chuyên ngành của sinh viên đang ngày càng gia tăng theo từng năm. Thực trạng này do một số hạn chế sau:

Định hướng nghề nghiệp: Có một số sinh viên còn chưa nắm rõ được ngành nghề mình chọn, còn mơ hồ đối với các vị trí công việc mà sinh viên ngành Việt Nam học có thể đảm nhiệm sau khi ra trường.

Kiến thức chuyên ngành: Đặc thù của ngành Việt Nam học là cơ hội việc làm thêm trong quá trình học rất cao, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành Hướng dẫn du lịch, khi vào mùa du lịch và tổ chức các sự kiện, sinh viên mải mê kiếm tiền mà không tích lũy kiến thức chuyên ngành, không hoàn thành các học phần trên lớp nên không đáp ứng được yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp. Một lý do nữa cũng ảnh hưởng đến kiến thức chuyên ngành của sinh viên đó là chương trình đào tạo của một số cơ sở giáo dục thiếu tính cập nhật và tính thực tế, nên sinh viên ra trường không bắt kịp xu thế phát triển của ngành.

Trình độ ngoại ngữ: Khi khái niệm công dân toàn cầu được phổ biến trong các trường đại học thì đi kèm với nó là trình độ ngoại ngữ. Sinh viên ngành Việt

Nam học là ngành học liên quan nhiều đến du lịch, khách quốc tế, tuy nhiên phần lớn sinh viên không đáp ứng được trình độ ngoại ngữ khi được nhận vào làm việc tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.

Giai đoạn 2018-2021 là giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, mọi hoạt động của xã hội bị ảnh hưởng, đặc biệt là kinh tế và du lịch nên đây cũng là giai đoạn khó khăn cho sinh viên tìm việc làm và cũng là một trong số nguyên nhân năm 2021 tỉ lệ sinh viên có việc làm không liên quan đến chuyên ngành tăng cao.

5. Giải pháp nâng cao tỉ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm và có việc làm đúng chuyên ngành sau tốt nghiệp

Từ kết quả khảo sát việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học giai đoạn 2018-2021 có thể thấy, tỉ lệ sinh viên có việc làm trung bình là 83,83%. Cụ thể, chỉ có 26,31% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành; 48,36% sinh viên có việc làm không liên quan đến chuyên ngành; Khu vực việc làm của sinh viên chủ yếu là khu vực tư nhân (gồm các công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty tư nhân,...) chiếm 73,31%. Số lượng sinh viên ngành Việt Nam học tốt nghiệp ra trường làm việc ở khu vực có yếu tố nước ngoài vẫn ở mức thấp, chiếm 10,27%, điều này cho thấy sinh viên mới chỉ đáp ứng được phần nào yêu cầu về ngoại ngữ của nhà tuyển dụng nước ngoài. Mặc dù, tỉ lệ có việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học đạt trên 83% nhưng so với các ngành đào tạo khác, con số này đang ở mức thấp. Vì vậy, để nâng cao tỉ lệ sinh viên

ngành Việt Nam học có việc làm sau tốt nghiệp và có việc làm đúng chuyên ngành cần có sự phối hợp giữa Nhà trường, Doanh nghiệp và chính bản thân mỗi sinh viên.

5.1. Đối với các cơ sở giáo dục đào tạo ngành Việt Nam học

Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với định hướng phát triển của cơ sở giáo dục, của xã hội. Lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các doanh nghiệp khi xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo. Để củng cố kiến thức chuyên ngành thực tế cho sinh viên, Nhà trường cần mời các chuyên gia từ doanh nghiệp đến giảng dạy một số học phần.

Tỉ lệ sinh viên làm việc tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài còn hạn chế, vì vậy cần thực hiện các giải pháp như cải tiến nội dung chương trình giảng dạy ngoại ngữ, tăng thời lượng học ngoại ngữ để nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ của sinh viên.

Cần tích cực tìm kiếm các mối quan hệ với doanh nghiệp, xúc tiến thúc đẩy mạnh quan hệ liên kết, hợp tác trong việc đào tạo, thực tập nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho sinh viên. Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc môi trường làm việc ngay khi còn đang học.

Định hướng nghề nghiệp, cung cấp cho sinh viên các vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi ra trường để sinh viên có sự chuẩn bị và thiết lập mạng lưới quan hệ cá nhân phù hợp.

Thực hiện thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp nghiêm túc, trung thực.

5.2. Đối với sinh viên ngành Việt Nam học

Cần tích cực học tập rèn luyện tiếp thu kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Có việc làm và việc làm đúng chuyên ngành luôn là mong muốn của sinh viên, vì vậy, củng cố kiến thức chuyên ngành, thực tập, thực hành nghiêm túc trong quá trình học sẽ tăng cơ hội được tuyển dụng đúng chuyên ngành cho sinh viên. Tấm bằng tốt nghiệp loại giỏi hay xuất sắc luôn là lợi thế khi xin việc.

Ngoài kiến thức chuyên ngành thì ngoại ngữ tốt và thành thạo những kỹ năng mềm là yêu cầu bắt buộc của sinh viên ngành Việt Nam học để tìm được công việc tốt. Ngay trong quá trình học tập tại trường, sinh viên nên thường xuyên tham gia các hoạt động tập thể, sinh hoạt câu lạc bộ để nâng cao các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng quản lý, làm việc nhóm... Đặc biệt là làm thêm, đây là quá trình tích lũy kinh nghiệm, đồng thời cũng là cơ hội để sinh viên làm quen với môi trường làm việc sau này. Thực tế cho thấy, những sinh viên từng làm thêm trong khi còn đi học luôn tìm được việc làm nhanh hơn và thích ứng môi trường mới tốt hơn so với sinh viên chưa từng đi làm thêm [3]. Tuy nhiên, cần cân bằng giữa việc làm thêm tích lũy kinh nghiệm với việc học trên lớp, đảm bảo kiến thức chuyên ngành và tiến trình học tập.

Ngoài ra, chăm sóc sức khỏe, tinh thần lạc quan, ngoại hình chỉnh chu, tác phong chững chạc cũng là yếu tố quan trọng để tăng cơ hội có việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học.

6. KẾT LUẬN

Sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp luôn là mối quan tâm hàng đầu của các trường đại học và của toàn xã hội. Tỷ lệ sinh viên có việc làm là một trong những tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo của các trường đại học. Suy rộng ra, tỷ lệ này cũng là một chỉ số quan trọng tác động lên chỉ số việc làm của cả nước, ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia. Hiện nay, tại một số trường đại học việc thống kê tỷ lệ có việc làm của sinh viên chưa được thực chất và chủ động. Trên cơ sở thực trạng tỷ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm sau khi tốt nghiệp, nhóm tác giả đã đưa ra hai nhóm giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và có việc làm đúng chuyên ngành cho sinh viên. Tuy nhiên, để các nhóm giải pháp này có hiệu quả cần có sự hỗ trợ từ phía Nhà trường và sự cố gắng, nỗ lực từ chính sinh viên. Mỗi cơ sở đào tạo có những đặc điểm và định hướng phát triển riêng nên đương nhiên bên cạnh những chính sách chung, quy định chung mang tính đặc thù rất cần có những chính sách riêng, hỗ trợ riêng để sinh viên sau tốt nghiệp tìm được việc làm đúng chuyên ngành.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1] Danh sách các trường đại học có ngành Việt Nam học ở nước ta.
<https://thongtintuyensinh.net/danh-sach-cac-truong-dai-hoc-co-nganh-viet-nam-hoc-o-nuoc-ta.html>, truy cập ngày 18/7/2023.
- [2] Vụ Giáo dục Đại học (2023), *Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp giai đoạn 2018-2021*, Diễn đàn Phát triển hợp tác nhà trường và doanh nghiệp.
- [3] Lê Phương Lan, Chu Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Khánh Trinh (2016), “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng có việc làm của sinh viên Đại học Ngoại Thương sau khi tốt nghiệp”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương*, số 84, 124-135.